

Số: 1949/STP-XD&KTVB

Gia Lai, ngày 25 tháng 11 năm 2021

V/v triển khai thi hành Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 20/11/2021 của UBND tỉnh; hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật năm 2015); Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL; Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) quy định một số nội dung thực hiện trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND tỉnh), UBND tỉnh Gia Lai, Sở Tư pháp đề nghị các Sở, ban, ngành, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh (sau đây gọi chung là Sở, ban, ngành) triển khai thi hành Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND; đồng thời, Sở Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, cụ thể:

I. TRIỂN KHAI THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 27/2021/QĐ-UBND

Ngày 20 tháng 11 năm 2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND quy định một số nội dung thực hiện trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Gia Lai (*Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2021*).

Nhằm bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời, hiệu quả trong việc thi hành Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND, Sở Tư pháp đề nghị các Sở, ban, ngành nghiên cứu, áp dụng Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh tại cơ quan, đơn vị (tra cứu Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND tại địa chỉ <http://vbpl.vn/gialai/Pages/home.aspx>).

II. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG VĂN BẢN QPPL CỦA HĐND TỈNH, UBND TỈNH

Trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, Sở, ban, ngành thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại Chương VIII, Chương IX Luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung tại Luật năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:

Sở, ban, ngành thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh phải **đầy đủ 05 bước**, gồm:

Bước 1: Đề nghị xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Bước 2: Tổ chức soạn thảo dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Bước 3: Lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Bước 4: Gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Bước 5: Trình hồ sơ dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Một số vấn đề cần lưu ý:

1. Quá trình xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh phải bảo đảm tuân thủ **thời hạn** thực hiện của các bước theo quy định tại Luật năm 2015, Luật năm 2020.

2. Sở Tư pháp chưa thực hiện việc thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh, dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đối với các trường hợp chưa thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL theo quy định pháp luật.

1. Đề nghị xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

1.1. Đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh có nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật năm 2015

a) Trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, Sở, ban, ngành chủ động chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết; tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết.

Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gồm:

- Dự thảo tờ trình về đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

- Tài liệu khác (nếu có).

b) Trong trường hợp cần thiết, Sở, ban, ngành có thể lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết.

1.2. Đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh có nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật năm 2015

Trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, Sở, ban, ngành chủ động chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết; tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết. Trong đó, Sở, ban, ngành thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị xây dựng nghị quyết **phải đầy đủ 04 bước** như sau:

Bước 1: Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết

Bước 2: Lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết

Bước 3: Gửi Sở Tư pháp để tổ chức thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết

Bước 4: Trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết

a) Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết

Quá trình xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, Sở, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ:

- Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá các văn bản QPPL hiện hành có liên quan đến đề nghị xây dựng nghị quyết; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự thảo nghị quyết.

Trong trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung của dự thảo nghị quyết.

- Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến dự thảo nghị quyết.

- Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết; đánh giá tác động của chính sách; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết sau khi được HĐND tỉnh thông qua.

- Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết để lấy kiến, gồm:

- + Dự thảo tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết theo mẫu số 02 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

- + Dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết theo mẫu số 01 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải

pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.

+ Dự thảo báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

+ Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết theo mẫu số 07 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

+ Tài liệu khác (nếu có).

b) Lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết

Sở, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ:

- Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; xác định rõ từng chính sách trong đề nghị cần xin ý kiến, nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến, gồm:

+ Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai trong thời hạn ít nhất là 30 ngày kể từ ngày đăng tải để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

+ Ngoài đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, việc lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng hoặc đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở, ban, ngành để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Khi lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách thì Sở, ban, ngành có trách nhiệm bảo đảm thời hạn lấy ý kiến ít nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý kiến. Trong trường hợp cần thiết, Sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh tổ chức đối thoại trực tiếp về chính sách với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách.

Trường hợp lấy ý kiến cơ quan, tổ chức khác, Sở, ban, ngành có trách nhiệm bảo đảm thời hạn để các cơ quan, tổ chức tham gia ý kiến (Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến).

+ Trong trường hợp cần thiết, có thể tổ chức họp để lấy ý kiến về những chính sách cơ bản trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

+ Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (trường hợp hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp) để lấy ý kiến.

- Tham mưu UBND tỉnh gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan để lấy ý kiến.

- Tổng hợp, nghiên cứu ý kiến góp ý; giải trình việc tiếp thu ý kiến góp ý; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết.

- Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai: Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các tài liệu khác trong hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết.

Ngoài đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, Sở, ban, ngành có thể đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

c) Gửi Sở Tư pháp để tổ chức thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết

Sở, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ:

- Đề nghị Sở Tư pháp tổ chức thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết. Hồ sơ gửi thẩm định gồm:

+ Dự thảo tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết theo mẫu số 02 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

+ Dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết theo mẫu số 01 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.

+ Dự thảo báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

+ Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết theo mẫu số 07 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách; bản chụp ý kiến góp ý.

+ Tài liệu khác (nếu có).

- Bảo đảm thời hạn để Sở Tư pháp tổ chức thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thẩm định.

- Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến đề nghị xây dựng nghị quyết.

- Cử đại diện tham dự Hội đồng tư vấn thẩm định, các cuộc họp liên quan đến thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết theo đề nghị của Sở Tư pháp.

- Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết.

d) Trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết

Sở, ban, ngành trình UBND tỉnh (đồng thời gửi Sở Tư pháp) hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gồm:

- Dự thảo tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết theo mẫu số 02 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

- Dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết theo mẫu số 01 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.

- Dự thảo báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

- Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết theo mẫu số 07 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách; bản chụp ý kiến góp ý.

- Văn bản thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

- Dự thảo quyết định của UBND tỉnh thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

- Tài liệu khác (nếu có).

1.3. Đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh

a) Trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, Sở, ban, ngành chủ động gửi văn bản đề nghị xây dựng quyết định đến Chủ tịch UBND tỉnh.

Đề nghị xây dựng quyết định phải nêu rõ tên gọi, sự cần thiết ban hành, đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của quyết định, dự kiến thời gian ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo. Đối với quyết định quy định những vấn đề được

giao quy định chi tiết, cơ quan đề xuất phải rà soát văn bản QPPL do cơ quan nhà nước trung ương và nghị quyết của HĐND tỉnh để xác định rõ nội dung, phạm vi giao quy định cụ thể.

b) Trong trường hợp cần thiết, Sở, ban, ngành có thể lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với đề nghị xây dựng quyết định.

2. Tổ chức soạn thảo dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

2.1. Soạn thảo dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh

Sau khi Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận việc xây dựng nghị quyết, UBND tỉnh phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp soạn thảo, Sở, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ:

a) Xây dựng dự thảo nghị quyết, dự thảo tờ trình về dự thảo nghị quyết.

b) Đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo nghị quyết quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật năm 2015; xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo mẫu số 01 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.

2.2. Soạn thảo dự thảo quyết định của UBND tỉnh

Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc xây dựng quyết định và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, Sở, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ:

a) Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội ở địa phương; nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh và tài liệu có liên quan đến dự thảo quyết định.

b) Xây dựng dự thảo quyết định và dự thảo tờ trình về dự thảo quyết định.

c) Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; đánh giá tác động về giới (nếu có).

3. Lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Sở, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ:

a) Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản QPPL, các cơ quan, tổ chức có liên quan, gồm:

- Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải toàn văn dự thảo văn bản QPPL trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai trong thời hạn ít nhất là 30 ngày kể từ ngày đăng tải để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

Ngoài đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, Sở, ban, ngành có thể đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

- Gửi dự thảo văn bản QPPL đề nghị góp ý kiến.

Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo văn bản QPPL thì phải xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản QPPL.

Trong trường hợp lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác, phải bảo đảm thời hạn đề cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến tham gia ý kiến (Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản QPPL).

- Gửi hồ sơ dự thảo văn bản QPPL đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (trường hợp dự thảo văn bản QPPL có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp) để lấy ý kiến.

b) Tổng hợp, nghiên cứu ý kiến góp ý; chỉnh lý hoàn thiện dự thảo văn bản QPPL; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo văn bản QPPL.

c) Trả lời bằng văn bản đối với ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong trường hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản QPPL.

d) Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải dự thảo tờ trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh và các tài liệu khác trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai (đối với trường hợp xây dựng dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh).

Ngoài đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, Sở, ban, ngành có thể đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

4. Gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Sở, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ:

a) Đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản QPPL. Hồ sơ gửi thẩm định gồm:

- Dự thảo tờ trình về dự thảo văn bản QPPL;

- Dự thảo văn bản QPPL;

- Văn bản của Thường trực HĐND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận việc xây dựng văn bản QPPL, phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo văn bản QPPL và quyết định thời hạn trình.

- Quyết định của UBND tỉnh thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết (đối với trường hợp xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh có nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật năm 2015).

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;

- Dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo mẫu số 01 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (đối với trường hợp xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh có nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật năm 2015);

- Tài liệu khác (nếu có).

b) Bảo đảm thời hạn để Sở Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản QPPL là 15 ngày kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ thẩm định.

c) Cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm định dự thảo văn bản QPPL.

d) Trong trường hợp có yêu cầu của Sở Tư pháp thì phải báo cáo những vấn đề thuộc nội dung của dự thảo văn bản QPPL; phối hợp tổ chức khảo sát về những vấn đề thuộc nội dung của dự thảo văn bản QPPL.

đ) Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; chỉnh lý hoàn thiện dự thảo văn bản QPPL.

5. Trình hồ sơ dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Sở, ban, ngành trình UBND tỉnh (đồng thời gửi Sở Tư pháp) hồ sơ dự thảo văn bản QPPL để chuyển đến các thành viên UBND tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày UBND tỉnh họp.

a) Hồ sơ dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh gồm:

- Tờ trình về hồ sơ dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo tờ trình về dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo mẫu số 01 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (đối với trường hợp trình dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh có nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật năm 2015);

- Văn bản của Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận việc xây dựng nghị quyết, phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo văn bản QPPL và quyết định thời hạn trình.

- Quyết định của UBND tỉnh thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết (đối với trường hợp trình hồ sơ dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh có nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật năm 2015).

- Văn bản thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;

- Tài liệu khác (nếu có).

b) Hồ sơ dự thảo quyết định của UBND tỉnh gồm:

- Tờ trình về dự thảo quyết định;
- Dự thảo quyết định;
- Văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận việc xây dựng quyết định, phân công cơ quan chủ trì soạn thảo.
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;
- Văn bản thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.
- Tài liệu khác (nếu có).

Trên đây là nội dung triển khai thi hành Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND và hướng dẫn một số nội dung về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh. Đề nghị các Sở, ban, ngành nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- VP. UBND tỉnh;
- Các Phòng, đơn vị thuộc STP;
- Lưu: VT, XD&KTVB.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Ngọc Lam